TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07-12-2021
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Thạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Bích Ngọc.
2. Bà Phạm Thị Liễu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị H – sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 10, Khu 5, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trương T – sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 10, Khu 5, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 3 năm 2021 và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn bất hòa. Nguyên nhân do anh T nghiện ma túy, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn nhau, thường xuyên cự cãi, đe dọa nhau. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn

quan tâm chăm sóc nhau. Nay tình cảm không còn, chị xác định không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng với anh T nên chị yêu cầu ly hôn.

- Con chung: Vợ chồng có 01 con chung chưa thành niên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 07/10/2012. Do anh T nghiện ma túy, không có công việc làm nên chị yêu cầu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Lời khai của anh T trong quá trình tố tụng thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng kết hôn tự nguyện vào năm 2009. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn bất hòa. Lý do bất đồng quan điểm, anh nghiện ngập, thường xuyên phải đi cai nghiện. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

- Con chung: Vợ chồng có 01 con chung chưa thành niên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 07/10/2012. Do hiện nay anh không có công việc làm nên anh đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng con chung, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Quá hạn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị H. Về hôn nhân: Cho chị H được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 07/10/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn có nơi cư trú tại Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung anh T. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Bị đơn có đơn xin vắng tại buổi hòa giải vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Anh T và chị H tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Trên cơ sở lời khai của đương sự; tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập thể hiện: Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn không thể hòa giải, hàn gắn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên sử dụng ma túy, giữa vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau.

Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 07/10/2012. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con chung, anh T đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng. Cháu L thì có nguyện vọng được ở với anh T. Tuy nhiên, qua lời khai của các đương sự, xác minh của Tòa án tại địa phương xác định định anh T là người nghiện ma túy, thường xuyên phải cai nghiện bắt buộc, anh T không có công việc, thu nhập nên việc các đương sự thỏa thuận giao con cho chị H nuôi dưỡng là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con chung. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung chưa thành niên Nguyễn Hoàng L cho chị H trực tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

- Về tài sản: Không có, nên không xem xét.

Nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 89, 91, 92, 93 và 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị H.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Trương T.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 07/10/2012. Giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004122 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai sẽ chuyển thành án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA DS huyện T;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND thị trấn T (Số 210 ngày 14/12/2009) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Phan Hồng Thạnh